

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2022

“V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Long Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hồng Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 3, xã B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phan Thành V, sinh năm 1992; địa chỉ: 3, xã B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:* Tôi và anh Phan Thành V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã A vào năm 2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, hiện tôi và anh V đã không còn chung sống từ tháng 3/2022 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với anh V.

Về nuôi con: Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Phan Thị Kim N, sinh ngày 27/11/2019. Tôi yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và tự lập được.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phan Thành V trong bản khai ngày 13/4/2022 trình bày:* Tôi và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã A vào tháng 02 năm 2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì chị T bắt đầu đi làm tóc thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, có kinh cãi nhiều lần. Đến tháng 3/2022 thì tôi và chị T không còn chung sống đến nay.

Tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Phan Thị Kim N, sinh ngày 27/11/2019. Hiện nay cháu N còn nhỏ và ở với chị T. Tôi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ theo yêu cầu của chị T. Hàng tháng tôi sẽ mua sữa và mua đồ ăn cho con chứ không đưa tiền cho chị T. Lý do không đồng ý cấp dưỡng là tuy thu nhập của tôi mỗi tháng 12.000.000đ, tuy nhiên thu nhập đó không ổn định, không thường xuyên, một năm vào mùa mía tôi chỉ chạy xe được 3 tháng, hết thời gian đó tôi không còn lái xe, nên không có thu nhập nữa.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với anh Phan Thành V; Địa chỉ: Thôn 3, xã B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh V theo khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh V có mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau từ tháng 03/2022 đến nay và cả hai không còn quan tâm lo lắng cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này cũng được anh V thừa nhận. Nên chị T yêu cầu được ly hôn và anh V cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh V như vậy là trầm trọng, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh V là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh V có 01 con chung là Phan Thị Kim N, sinh ngày 27/11/2019. Hiện nay cháu N còn nhỏ và ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu N và yêu cầu anh V yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000đ. Anh V đồng ý để chị T tiếp tục nuôi cháu N, nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con như chị T yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bản tự khai và lời khai anh V, nghề nghiệp hiện nay của anh V là lái xe, thu nhập mỗi tháng 12.000.000đ; việc chị T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu là 2.000.000đ/tháng, mức này phù hợp với mức sống thực tế tại địa phương, phù hợp với thu nhập của anh V. Anh V không chấp nhận cấp

dưỡng nuôi con là trái với quy định tại Điều 69 và khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị T. Buộc anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N, mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi và tự lực được.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T:

1. Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh Phan Thành V.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Kim N, sinh ngày 27/11/2019, cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, khi cháu N chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Buộc anh Phan Thành V phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000đ, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động và tự lực được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011734 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Phan Thành V phải chịu 300.000đ án phí về dân sự sơ thẩm về khoản cấp dưỡng nuôi con.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (07/6/2022) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm, thời gian kháng cáo nêu trên đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã B, TX A;  
(để ghi vào sổ hộ tịch; Số ĐKKH 05/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Long Sơn**